

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
THUẬN ĐỨC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0503000198, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ tám ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Điện thoại : 0321.381.0705
- Fax : 0321.381.0706

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất sản phẩm từ plastic và tái chế phế liệu.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Bà Ngô Kim Dung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Bà Bé Thị Tuyết	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Văn Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Bà Ngô Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Văn Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đức Cường	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Bà Ngô Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Vương Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Bùi Quang Sỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Cường - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
THUẬN ĐỨC**

Nguyễn Đức Cường

Ngày 03 tháng 4 năm 2018



Số: 2.0437/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thuận Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 4 năm 2018, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuận Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 19 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2018-008-1

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		472.710.562.819	322.909.345.992
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.784.440.611	21.736.547.069
1. Tiền	111		36.784.440.611	21.736.547.069
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	300.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.062.445.831	95.875.482.908
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	150.015.317.254	89.185.248.603
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.063.928.511	4.031.769.655
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.983.200.066	2.658.464.650
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	276.626.116.561	203.266.492.946
1. Hàng tồn kho	141		276.626.116.561	203.266.492.946
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.937.559.816	2.030.823.069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	581.798.446	926.093.552
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.355.761.370	1.104.729.485
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	32
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178.888.185.161	167.382.754.185
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.006.610.277	345.638.826
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.006.610.277	345.638.826
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		174.680.804.471	162.803.721.276
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	162.865.524.785	153.378.117.309
<i>Nguyên giá</i>	222		219.548.520.063	194.377.816.563
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(56.682.995.278)	(40.999.699.254)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	11.737.750.402	9.341.621.467
<i>Nguyên giá</i>	225		13.466.025.025	9.867.843.206
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.728.274.623)	(526.221.739)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	77.529.284	83.982.500
<i>Nguyên giá</i>	228		143.200.000	123.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(65.670.716)	(39.217.500)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		589.317.350	176.214.762
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	589.317.350	176.214.762
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.611.453.063	4.057.179.321
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.611.453.063	4.057.179.321
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		651.598.747.980	490.292.100.177

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		383.793.522.032	349.975.990.533
I. Nợ ngắn hạn	310		354.924.614.786	307.709.948.110
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	61.012.509.212	90.519.482.057
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	21.037.717.381	2.933.538.581
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.056.699.507	1.204.808.578
4. Phải trả người lao động	314		4.795.330.919	3.433.865.197
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.347.249.448	1.497.485.997
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		160.519.776	160.519.776
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	866.099.297	872.261.702
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	260.648.489.246	207.087.986.222
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		28.868.907.246	42.266.042.423
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	63.355.321	227.403.001
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	28.805.551.925	42.038.639.422
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		267.805.225.948	140.316.109.644
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	267.805.225.948	140.316.109.644
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.805.225.948	316.109.644
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		316.109.644	316.109.644
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.489.116.304	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		651.598.747.980	490.292.100.177

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nường

Phạm Thị Phương



Nguyễn Đức Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	521.928.317.601	293.840.955.547
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.959.019
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		521.928.317.601	293.837.996.528
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	453.316.482.928	250.167.751.567
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.611.834.673	43.670.244.961
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.898.069	610.120.443
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.301.479.524	18.468.573.774
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.872.456.476	18.407.476.946
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.710.626.387	6.315.157.725
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.396.690.352	11.218.550.573
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.216.936.479	8.278.083.332
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.500.664.635	2.376.885.707
12. Chi phí khác	32	VI.8	810.130.557	752.580.074
13. Lợi nhuận khác	40		690.534.078	1.624.305.633
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.907.470.557	9.902.388.965
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.418.354.253	636.921.576
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>17.489.116.304</u>	<u>9.265.467.389</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.017</u>	<u>662</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>1.017</u>	<u>662</u>

Người lập biểu



Phạm Thị Nường

Kế toán trưởng



Phạm Thị Phương



Lập, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.907.470.557	9.902.388.965
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		16.911.802.124	15.258.430.312
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		184.300.710	(77.223.132)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.898.069)	(728.326.901)
- Chi phí lãi vay	06		19.872.456.476	18.407.476.946
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		58.862.131.798	42.762.746.190
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(62.098.966.227)	(49.670.267.254)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(73.359.623.615)	(60.484.779.744)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.345.816.357)	82.397.184.351
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.790.021.364	(1.103.226.587)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.872.456.476)	(18.407.476.946)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.939.097)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(108.041.648.610)	(4.505.819.990)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(26.767.470.734)	(25.726.935.103)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	960.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(300.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.898.069	5.310.811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.053.572.665)	(24.761.624.292)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		110.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		493.869.354.216	372.030.687.116
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(449.553.087.440)	(324.029.997.179)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.988.851.249)	(870.274.412)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>150.327.415.527</i></u>	<u><i>47.130.415.525</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.232.194.252	17.862.971.243
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	21.736.547.069	3.825.432.674
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(184.300.710)	48.143.152
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>36.784.440.611</u>	<u>21.736.547.069</u>

Người lập biểu

Phạm Thị Nhung

Kế toán trưởng

Phạm Thị Phương



Lập, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuận Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sản phẩm từ plastic và tái chế phế liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2017, nhà máy số 2 của Công ty đã đi vào hoạt động ổn định, vì vậy sản lượng thành phẩm sản xuất và doanh thu năm 2017 tăng mạnh so với năm 2016.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 699 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 521 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí giải phóng mặt bằng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 10

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy vi tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 6 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là đề án khai thác nước ngầm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Công ty không có chi phí đi vay vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.142.090.000	557.369.270
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.642.350.611	21.179.177.799
Cộng	<u>36.784.440.611</u>	<u>21.736.547.069</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>60.013.702.845</i>	<i>53.221.109.770</i>
Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên		6.693.016.000
Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng ⁽ⁱ⁾	28.921.430.775	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus ⁽ⁱⁱ⁾	31.092.272.070	46.528.093.770
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>90.001.614.409</i>	<i>35.964.138.833</i>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hiếu Linh	1.561.977.988	2.596.160.000
Công ty TNHH Dương Hồng	2.992.000.000	2.417.500.000
Công ty Cổ phần Á Châu	12.144.627.000	2.112.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Song Mã	2.208.670.000	2.062.500.000
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Tùng Lâm	872.355.000	2.016.960.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Sơn	103.550.003	1.783.086.003
Công ty TNHH Bao bì Sông Giang		1.615.168.820
Công ty TNHH EPP Việt Nam	17.886.330.000	
Công ty TNHH Mai Phương	16.204.295.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	6.509.150.000	
Công ty Cổ phần Nhựa Trường An	6.311.257.500	
Carrefour Sourcing	4.484.572.208	
Phải thu các khách hàng khác	18.722.829.710	21.360.764.010
Cộng	150.015.317.254	89.185.248.603

- (i) Phải thu Thái Thuận Hưng là hợp đồng mua bán 0609/HĐMB/TĐ-PM/2017 mua thành phẩm hạt tái sinh của Công ty Cổ phần Thuận Đức.
- (ii) Phải thu Công ty CP Đầu tư Sarus theo Hợp đồng hợp tác chiến lược số 01- SRTĐ/HĐHTCL/2016 ngày 26 tháng 7 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus và Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus mua thành phẩm Hạt nhựa tái sinh, sợi, manh, bao bì,...do Công ty sản xuất.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hồng Hà		1.956.514.848
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hưng Yên		188.000.000
Nguyễn Bá Đức	687.672.100	
Công ty Cổ phần Lexus Thăng Long	500.000.000	
Các khách hàng khác	1.876.256.411	1.887.254.807
Cộng	3.063.928.511	4.031.769.655

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>124.249.801</i>		<i>172.471.034</i>	
Ông Nguyễn Đức Cường - Tạm ứng, chi hộ			172.471.034	
Bà Bé Thị Tuyết - Tạm ứng	21.580.000			
Bà Ngô Kim Dung - Tạm ứng	102.669.801			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.858.950.265</i>		<i>2.485.993.616</i>	
Tạm ứng	3.158.607.542		1.652.570.033	
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	607.743.376			
Phải thu quỹ phúc lợi	14.900.257			
Phải thu BHXH	15.499.090			
Thuế GTGT chưa được khấu trừ của tài sản cố định thuê tài chính	62.200.000		833.423.583	
Cộng	3.983.200.066		2.658.464.650	

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	186.103.500		345.638.826	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ của tài sản cố định thuê tài chính	820.506.777			
Cộng	1.006.610.277		345.638.826	

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	105.725.294.968		135.607.955.614	
Công cụ, dụng cụ	9.401.513.168		2.510.516.317	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang			71.787.404	
Thành phẩm	160.324.021.160		56.269.641.785	
Hàng hóa	1.175.287.265		2.253.945.948	
Hàng gửi đi bán			6.552.645.878	
Cộng	276.626.116.561		203.266.492.946	

Một số hàng tồn kho có giá trị lớn chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Nguyên vật liệu</i>	86.924.763.689	94.214.717.767
Hạt nhựa nguyên sinh	63.080.285.763	86.093.422.194
Hạt nhựa nguyên sinh PP Y130	5.263.200.000	
Hạt nhựa nguyên sinh PP 1100N	4.522.346.218	
Hạt nhựa PP	3.353.089.457	
Hạt nhựa nguyên sinh 756C	2.410.400.000	
Vỏ bao xi đập mảnh trắng	2.374.117.298	7.604.501.636
Hạt nhựa PP J-150	2.110.550.456	
Hạt nhựa nguyên sinh PP L5E89	2.040.000.000	
Hạt nhựa nguyên sinh PPCOPOR680S	1.770.774.497	516.793.937
<i>Thành phẩm</i>	40.210.029.006	11.265.533.040
Hạt nhựa 4PP	9.579.534.804	
Hạt nhựa 3PP	5.569.321.045	
Sợi 177	4.118.741.863	2.610.462.837
Hạt nhựa 2XD	3.937.724.517	3.614.520.194
Hạt nhựa 2BM	3.822.138.880	494.870.998
Hạt nhựa 3PP trộn	3.258.986.391	
Bao PP may đáy 2 kim 60x92x70g	2.910.949.879	442.351.133
Bao PP may miệng 60x102x94g vàng cam cháy in urea MA1706098	2.566.499.379	679.743.478
Hạt nhựa 4A	2.160.114.896	3.423.584.400
Cộng	127.134.792.695	105.480.250.807

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại ngày kết thúc năm tài chính. Do đó, không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ		91.088.129
Chi phí thuê kho	400.000.000	599.731.743
Chi phí bảo hiểm	181.798.446	162.745.938
Chi phí sửa chữa		72.527.742
Cộng	581.798.446	926.093.552

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.513.469.535	2.933.051.106
Chi phí giải phóng mặt bằng	1.082.806.865	1.102.779.845
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.176.663	21.348.370
Cộng	2.611.453.063	4.057.179.321

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	42.353.546.146	131.020.454.717	20.288.537.662	715.278.038	194.377.816.563
Mua trong năm	2.908.964.545	19.708.270.773	2.368.518.182	184.950.000	25.170.703.500
Số cuối năm	45.262.510.691	150.728.725.490	22.657.055.844	900.228.038	219.548.520.063
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	347.357.969	1.352.037.600	2.717.168.175	158.662.597	4.575.226.341
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.943.564.887	26.143.228.128	6.625.700.159	287.206.080	40.999.699.254
Khấu hao trong năm	2.491.571.441	10.551.006.241	2.528.254.868	112.463.474	15.683.296.024
Số cuối năm	10.435.136.328	36.694.234.369	9.153.955.027	399.669.554	56.682.995.278
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	34.409.981.259	104.877.226.589	13.662.837.503	428.071.958	153.378.117.309
Số cuối năm	34.827.374.363	114.034.491.121	13.503.100.817	500.558.484	162.865.524.785

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 108.032.500.339 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.771.406.470	96.436.736	9.867.843.206
Thuê tài chính trong năm	935.000.000	2.663.181.819	3.598.181.819
Số cuối năm	10.706.406.470	2.759.618.555	13.466.025.025
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	521.459.831	4.761.908	526.221.739
Khấu hao trong năm	1.067.874.396	134.178.488	1.202.052.884
Số cuối năm	1.589.334.227	138.940.396	1.728.274.623
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.249.946.639	91.674.828	9.341.621.467
Số cuối năm	9.117.072.243	2.620.678.159	11.737.750.402

10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	123.200.000	39.217.500	83.982.500
Tăng trong năm	20.000.000		20.000.000
Khấu hao trong năm		26.453.216	(26.453.216)
Số cuối năm	143.200.000	65.670.716	77.529.284

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định		28.946.051.219	(28.788.885.319)	(50.290.900)	106.875.000
Xây dựng cơ bản dở dang	176.214.762	356.267.588		(50.040.000)	482.442.350
<i>Chi phí xây dựng nhà máy 2</i>	<i>126.174.762</i>	<i>356.267.588</i>			<i>482.442.350</i>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	50.040.000			(50.040.000)	
Cộng	176.214.762	29.302.318.807	(28.788.885.319)	(100.330.900)	589.317.350

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>600.770.000</i>	<i>73.546.664.400</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus	600.770.000	73.546.664.400
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>60.411.739.212</i>	<i>16.972.817.657</i>
Công ty Cổ phần Bao bì Đồng Phú	23.174.360.000	
Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì Phú Mỹ	1.899.961.951	867.334.799
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tân Việt Sinh	1.904.955.000	831.552.500
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trang Huy	1.250.757.416	760.467.344
Công ty TNHH Việt Nam Dong Yun Plate Making Miền Bắc	1.075.777.143	745.197.675
Công ty TNHH Giấy và Bao bì Lâm Việt An	1.826.717.899	521.081.537
Lotte Chrmical Corporation	3.759.308.615	
Công ty TNHH trực in VN Xinyuan	1.816.839.698	
Công Ty TNHH Nhựa Phương Anh	1.550.009.218	
RCCL Commercial Company	1.208.973.150	
Các nhà cung cấp khác	20.944.079.122	13.247.183.802
Cộng	61.012.509.212	90.519.482.057

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>11.329.315.948</i>	
Công ty cổ phần Thuận Đức Hưng Yên	11.329.315.948	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>9.708.401.433</i>	<i>2.933.538.581</i>
LBX Asie Ltd	1.396.543.058	226.431.536
Pema Verparking GMBH	910.953.383	
CEP Ltd	652.745.573	
Solo Market Of The Shefa Tov Group	623.221.072	
Henri Bal Sas	573.215.381	73.370.613
Xenylla S.R.O	40.676.208	344.954.287
Vignoplast S.R.L.	24.720.783	369.291.574
PND Rebag		430.636.218
Công ty TNHH Thiết bị may Tân Hùng Đức		230.520.000
Các khách hàng khác	5.486.325.975	1.258.334.353
Cộng	21.037.717.381	2.933.538.581

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Thuế nhập khẩu được miễn, giảm	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		32	32			
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			1.651.793.960 (1.651.793.960)			
Thuế xuất, nhập khẩu	280.852.419		38.750.226	(203.096.149)	(116.506.496)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	636.531.533		4.418.354.253	(16.939.097)		5.037.946.689
Thuế thu nhập cá nhân	10.186.126		157.981.047	(149.414.355)		18.752.818
Thuế nhà đất			3.703.350	(3.703.350)		
Tiền thuê đất	277.238.500		37.142.000	(314.380.500)		
Các loại thuế khác			5.000.000	(5.000.000)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			114.900.000	(114.900.000)		
Cộng	1.204.808.578	32	6.427.624.868	(2.459.227.411)	(116.506.496)	5.056.699.507

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ bán trong nước 10%
- Hàng hóa, thành phẩm xuất khẩu 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.907.470.557	9.902.388.965
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	184.300.710	
- Các khoản điều chỉnh tăng	184.300.710	
Thu nhập chịu thuế	22.091.771.267	9.902.388.965
Lỗi các năm trước được chuyển		(6.717.781.086)
Thu nhập tính thuế	22.091.771.267	3.184.607.879
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.418.354.253	636.921.576

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Thuế nhà đất, tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí gia công	1.347.249.448	1.285.455.997
Chi phí vận chuyển		212.030.000
Cộng	<u>1.347.249.448</u>	<u>1.497.485.997</u>

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

Là chênh lệch giá bán lớn hơn giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	68.735.734	62.295.733
Bảo hiểm xã hội		248.481.293
Bảo hiểm y tế		25.297.590
Bảo hiểm thất nghiệp		10.457.093
Phải trả các đối tượng khác	797.363.563	525.729.993
Cộng	<u>866.099.297</u>	<u>872.261.702</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	235.097.931.657	180.938.638.719
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - chi nhánh Hưng Yên⁽ⁱ⁾</i>	129.186.903.937	112.360.909.401
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Hoàn Kiếm⁽ⁱⁱ⁾</i>	58.301.177.997	59.727.657.318
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thanh Xuân⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	47.609.849.723	8.850.072.000
Vay ngắn hạn cá nhân		1.800.000.000
<i>Vay Bà Vũ Thị Diệu Linh - vay không tính lãi</i>		1.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	21.725.208.818	21.032.619.108
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hưng Yên</i>	13.031.472.000	14.286.733.100
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm</i>	4.775.944.645	4.746.160.000
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân</i>	1.635.286.008	1.655.686.008

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Yên		344.040.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	66.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	288.000.000	
Ngân hàng TNHH Một thành viên Public Việt Nam	1.928.506.175	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	3.825.348.771	3.316.728.395
Công ty Cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	2.940.600.027	3.316.728.395
Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	884.748.744	
Cộng	260.648.489.246	207.087.986.222

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hưng Yên theo hợp đồng hạn mức tín dụng thời hạn từ ngày 12 tháng 7 năm 2017 đến ngày 07 tháng 7 năm 2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 130.000.000.000 VND, lãi suất vay là 7,5%/năm.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng hạn mức tín dụng thời hạn từ ngày 26 tháng 6 năm 2017 đến ngày 25 tháng 6 năm 2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 VND, lãi suất vay là 7,3%/năm với khoản vay giải ngân là đồng VND và lãi suất 4,0%/năm với khoản vay ngoại tệ là đồng USD.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng cấp hạn mức thời hạn từ ngày 14 tháng 11 năm 2016 đến ngày 14 tháng 11 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, lãi suất 7,7%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	180.938.638.719	479.538.358.629		(425.379.065.691)	235.097.931.657
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.800.000.000			(1.800.000.000)	
Vay dài hạn đến hạn trả	21.032.619.108		20.601.240.710	(19.908.651.000)	21.725.208.818
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.316.728.395		4.157.021.608	(3.648.401.232)	3.825.348.771
Cộng	207.087.986.222	479.538.358.629	24.758.262.318	(450.736.117.923)	260.648.489.246

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	25.800.992.716	37.954.000.588
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hưng Yên ⁽ⁱ⁾	12.136.785.619	25.168.257.619

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽ⁱⁱ⁾	1.634.000.000	6.423.784.645
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.240.596.316	5.030.738.324
Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(iv)	390.500.000	
Ngân hàng TNHH Một thành viên Public Việt Nam ^(v)	6.751.110.781	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(vi)	648.000.000	936.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Yên ^(vii)		395.220.000
Nợ thuê tài chính	3.004.559.209	4.084.638.834
Công ty Cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội ^(viii)	812.365.970	4.084.638.834
Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội ^(ix)	2.192.193.239	
Cộng	28.805.551.925	42.038.639.422

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hưng Yên theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay số 2400-LAV-201600 ngày 11 tháng 01 năm 2016 để đầu tư dự án mở rộng sản xuất túi xuất khẩu. Số tiền vay tối đa là 14.500.000.000 VND với thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay ban đầu 10%/năm và được điều chỉnh 3 tháng một lần.
- Hợp đồng vay số 01/2014/TH-TĐ ngày 08 tháng 8 năm 2014 để "Đầu tư mở rộng nhà xưởng sản xuất, mua bổ sung một dây chuyền sản xuất hạt nhựa tái sinh, 01 dây chuyền sản xuất bao bì dệt PP và các máy móc thiết bị phụ trợ". Số tiền vay tối đa là 19.000.000.000 VND với thời hạn vay là 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay ban đầu là 12%/năm và được điều chỉnh 3 tháng một lần.
- Hợp đồng vay số 01/2015/TH-TĐ ngày 05 tháng 2 năm 2015 để "Mua máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất túi shopping xuất khẩu". Số tiền vay tối đa là 32.000.000.000 VND với thời hạn vay là 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay ban đầu là 11%/năm và được điều chỉnh 3 tháng một lần.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng:

Hợp đồng vay số số 67/2016/HĐTD ngày 16 tháng 5 năm 2016 để "Đầu tư mua 10 máy dệt bao bì PP tròn Model SBY-850 và các máy móc thiết bị phụ trợ". Số tiền vay là 2.930.000.000 VND với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay 1 năm đầu tiên là 8%/năm, sau 12 tháng lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Hợp đồng vay số HKI-HĐTD/14059 ngày 15 tháng 4 năm 2014 để đầu tư dự án ""Mở rộng nhà xưởng, mua bổ sung 01 dây chuyền sản xuất hạt nhựa PP tái sinh, 01 dây chuyền sản xuất bao bì PP dệt và các máy móc thiết bị phụ trợ". Số tiền vay tối đa là 18.000.000.000 VND với thời hạn 54 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay ban đầu là 11,1%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân theo các hợp đồng:

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hợp đồng vay số 722247.16.003.1841958 ngày 13 tháng 10 năm 2016 để mua mới 01 xe ô tô Hyundai HD. Số tiền vay là 427.000.000 VND với thời hạn 48 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe tải thùng kín Hyundai. Lãi suất thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Quân đội và khách hàng.

Hợp đồng vay số 59027.16.003.1841958 ngày 06 tháng 9 năm 2016 để mua mới 01 xe ô tô LX 570. Số tiền vay là 6.304.705.000 VND với thời hạn 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Lexus hình thành từ vốn vay. Lãi suất thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Quân đội và khách hàng.

Hợp đồng vay số 2460.17.003.1841958.TD ngày 24 tháng 01 năm 2016 để mua mới 01 xe ô tô LX 570. Số tiền vay là 1.068.144.000 VND với thời hạn 48 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô hình thành từ vốn vay. Lãi suất thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Quân đội và khách hàng.

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng vay số 63/2017/HDTD/TTKD CGY/01 ngày 03 tháng 11 năm 2017 để mua mới xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh. Số tiền vay là 467.500.000 VND với thời hạn 84 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Toyota hình thành từ vốn vay. Lãi suất thả nổi được quy định tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng.

(v) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên Public Việt Nam theo các hợp đồng:

Hợp đồng vay số HAN/000165/17 ngày 12 tháng 7 năm 2017 để thanh toán chi phí mua, nhập khẩu máy móc và trang thiết bị. Số tiền vay tối đa là 18.000.000.000 VND với thời hạn 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất thả nổi là 2%/năm cộng với lãi sát tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.

(vi) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng vay số 16/VCBTX.PGD2-THUANDUC ngày 28 tháng 01 năm 2016 để mua mới 01 xe Mercedes - Benz E200. Số tiền vay là 1.440.000.000 VND với thời hạn 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay ưu đãi 6,8%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng 3,5%/năm.

(vii) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Yên theo các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số LD1416700009 ngày 16/6/2014 số tiền cho vay 840.000.000 VND để bổ sung vốn mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất 6 tháng đầu tiên là 9% từ tháng 07 lãi suất được điều chỉnh theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân loại tiền VNĐ kỳ hạn 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ do Sacombank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định 1,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần.

Hợp đồng tín dụng số LD1504300045 ngày 12/2/2015 số tiền cho vay 670.000.000 VND để bổ sung vốn mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất 12 tháng đầu tiên là 8,5%, từ tháng 13 lãi suất được điều chỉnh theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân loại tiền VNĐ kỳ hạn 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ do Sacombank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định.

(viii) Nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng:

Hợp đồng số C160804115 ngày 12 tháng 8 năm 2016 để thuê máy móc, thiết bị. Giá trị thuê là 3.397.445.871 VND với thời hạn 24 tháng từ ngày 12 tháng 9 năm 2016. Lãi suất thuê là 7,5%/năm.

Hợp đồng cho thuê tài chính số C161100312 ngày 02 tháng 11 năm 2016 để thuê máy móc, thiết bị. Giá trị thuê là 4.874.195.770 VND với thời hạn 30 tháng từ ngày 9 tháng 12 năm 2016. Lãi suất thuê là 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ix) Nợ thuê tài chính Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng:

Hợp đồng số 11.0317/HĐCTTC-TĐ ngày 24 tháng 3 năm 2017 để thuê phương tiện vận tải. Giá trị thuê là 526.157.500 VND với thời hạn 36 tháng kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2017. Lãi suất thuê là 8,74%/năm.

Hợp đồng số 16.0317/HĐCTTC-TĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 để thuê phương tiện vận tải. Giá trị thuê là 397.100.000 VND với thời hạn 36 tháng từ ngày 12 tháng 4 năm 2017. Lãi suất thuê là 8,74%/năm.

Hợp đồng số 01.0617/HĐCTTC-TĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 để thuê phương tiện vận tải. Giá trị thuê là 387.172.500 VND với thời hạn 36 tháng từ ngày 30 tháng 6 năm 2017. Lãi suất thuê là 8,90%/năm.

Hợp đồng số 07.0817/HĐCTTC-TĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 để thuê phương tiện vận tải. Giá trị thuê là 1.074.735.000 VND với thời hạn 60 tháng từ ngày 07 tháng 9 năm 2017. Lãi suất thuê là 9,24%/năm.

Hợp đồng số 05.1017/HĐCTTC-TĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 để thuê phương tiện vận tải. Giá trị thuê là 501.300.000 VND với thời hạn 60 tháng từ ngày 19 tháng 10 năm 2017. Lãi suất thuê là 9,24%/năm.

Hợp đồng số 01.1017/HĐCTTC-TĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 để thuê phương tiện vận tải. Giá trị thuê là 530.927.000 VND với thời hạn 48 tháng từ ngày 10 tháng 11 năm 2017. Lãi suất thuê là 9,24%/năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	47.526.201.535	21.725.208.818	25.674.492.716	126.500.000
Nợ thuê tài chính	6.829.907.980	3.825.348.771	3.004.559.209	
Cộng	54.356.109.515	25.550.557.589	28.679.051.925	126.500.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	58.986.619.696	21.032.619.108	37.954.000.588	
Nợ thuê tài chính	7.401.367.229	3.316.728.395	4.084.638.834	
Cộng	66.387.986.925	24.349.347.503	42.038.639.422	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	38.190.160.588	10.913.603.587	(2.465.370.749)	(20.601.240.710)	25.800.992.716
Nợ thuê tài chính	4.084.638.834	3.417.392.000	(340.450.017)	(4.157.021.608)	3.004.559.209
Cộng	42.274.799.422	14.330.995.587	(2.805.820.766)	(24.758.262.318)	28.805.551.925

18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm

Thu quỹ phúc lợi từ người lao động 184.789.743

Chi quỹ trong năm (199.690.000)

Phân loại quỹ phúc lợi sang phải thu ngắn hạn khác 14.900.257

Số cuối năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	140.000.000.000	(8.949.357.745)	131.050.642.255
Chuyển công nợ thành vốn góp			
Lợi nhuận trong năm trước		9.265.467.389	9.265.467.389
Số dư cuối năm trước	140.000.000.000	316.109.644	140.316.109.644
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	316.109.644	140.316.109.644
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	110.000.000.000		110.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay		17.489.116.304	17.489.116.304
Số dư cuối năm nay	250.000.000.000	17.805.225.948	267.805.225.948

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Đức Cường	153.966.670.000	95.662.000.000
Ông Vy Văn Bằng		14.000.000.000
Ông Ngô Kim Dung	16.338.000.000	16.338.000.000
Bà Bé Thị Tuyết	12.650.000.000	14.000.000.000
Các cổ đông khác	67.045.330.000	
Cộng	250.000.000.000	140.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017 là: 100.000 VND. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ bảy ngày 30 tháng 6 năm 2017, mệnh giá cổ phiếu lưu hành từ ngày 30/6/2017 đến ngày 31/12/2017 là 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	72.730,22	43.933,00

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	220.650.383.395	40.995.984.712
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	301.114.905.469	251.781.805.743
Doanh thu cung cấp dịch vụ	163.028.737	
Doanh thu khác		1.063.165.092
Cộng	521.928.317.601	293.840.955.547

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	45.928.400.000	-15.084.560.000
Thu nhập từ bán tài sản		800.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	31.936.725.000	66.360.130.700
<i>Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	29.801.105.000	
Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	50.266.668	

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	197.115.902.445	39.177.554.686
Giá vốn của thành phẩm đã bán	256.200.580.483	210.001.341.556
Giá vốn khác		988.855.325
Cộng	453.316.482.928	250.167.751.567

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	13.898.069	5.310.811
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		527.586.500
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		77.223.132
Cộng	13.898.069	610.120.443

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	19.872.456.476	18.407.476.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	244.722.338	61.096.828
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	184.300.710	
Cộng	<u>20.301.479.524</u>	<u>18.468.573.774</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.263.204.743	1.929.534.793
Chi phí vật liệu, bao bì		48.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	26.067.394	37.229.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.564.224	97.564.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	853.662.504	194.840.603
Các chi phí khác	5.470.127.522	4.055.940.277
Cộng	<u>7.710.626.387</u>	<u>6.315.157.725</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.716.501.898	3.815.923.803
Chi phí vật liệu quản lý	19.665.709	51.249.932
Chi phí đồ dùng văn phòng	852.881.169	951.075.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.861.734.820	1.590.563.194
Thuế, phí và lệ phí	428.114.434	326.386.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.194.982.547	69.096.260
Các chi phí khác	3.322.809.775	4.414.255.494
Cộng	<u>19.396.690.352</u>	<u>11.218.550.573</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		723.016.090
Tiền thuê đất được giảm năm 2013, 2014 và 2015		459.090.000
Các khoản nợ không phải trả		814.413.804
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	74.000.000	
Tiền thu từ bán phế liệu, vỏ bao	41.188.000	
Tiền thu phạt nhân viên do vi phạm nội quy	1.220.765.886	70.730.343
Các khoản thu nhập khác	164.710.749	309.635.470
Cộng	<u>1.500.664.635</u>	<u>2.376.885.707</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.500.000	33.040.793
Chi phí hỗ trợ cho cơ sở gia công		73.500.000
Lãi chậm nộp bảo hiểm		22.000.682
Thuế GTGT của phương tiện vận tải không được khấu trừ		106.545.455
Các khoản chi phí khác	806.630.557	517.493.144
Cộng	<u>810.130.557</u>	<u>752.580.074</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.489.116.304	9.265.467.389
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	17.489.116.304	9.265.467.389
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	17.192.967	14.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.017</u>	<u>662</u>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.000.000	14.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2016		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2017	3.192.967	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>17.192.967</u>	<u>14.000.000</u>

9b. Thông tin khác

Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Công ty đã thay đổi mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 VND/cổ phiếu xuống thành 10.000 VND/cổ phiếu theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ bảy ngày 30 tháng 6 năm 2017. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 6.618 VND xuống còn 662 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	244.300.290.569	98.145.365.144
Chi phí nhân công	52.568.987.040	38.704.984.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.911.802.124	15.258.430.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.398.122.521	25.659.879.594
Chi phí khác	23.111.286.939	15.471.497.617
Cộng	387.290.489.193	193.240.157.082

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i>		
<i>Ông Nguyễn Đức Cường</i>		
Góp vốn	83.000.000.000	23.688.898.000
<i>Bà Ngô Kim Dung</i>		
Góp vốn	2.000.000.000	4.909.852.000
<i>Bà Bé Thị Tuyết</i>		
Góp vốn	18.430.000.000	11.401.250.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.667.057.000 VND (năm trước là 1.233.463.595 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus	Con gái ông Nguyễn Đức Cường là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus
Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng	Một số cổ đông của CTCP Thuận Đức đồng thời là cổ đông của Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác k đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus		
Mua hàng hóa	78.413.870.000	74.906.124.000
Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng		
Mua hàng hóa	2.220.441.453	
Mua sắm tài sản cố định	2.197.811.212	

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12 và V.13.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin khác

Thông tin so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính lập ngày 19 tháng 3 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Lập, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu

Phạm Thị Nhường

Kế toán trưởng

Phạm Thị Phương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Cường